

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-12-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bảo T, sinh năm 1990; địa chỉ: 13A/19 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994; địa chỉ: 13A/19 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Bảo T trình bày:

Anh Nguyễn Bảo T và chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh K, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2019, ngày 27/8/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ chung sống tại khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Anh T làm công nhân bảo trì tại quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; chị T làm công nhân tại Khu Chế xuất L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới nhau được vài tháng thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp, không cùng quan điểm về cách cư xử trong quan hệ gia đình hai bên. Mỗi lần vợ chồng có chuyện không vui thì chị T thay vì tìm cách trao đổi để vợ chồng hiểu nhau và tìm cách hóa giải thì chị T lại bỏ nhà đi nhiều ngày liền. Ngoài ra, trong cuộc sống vợ chồng, chị T cũng tỏ ra không tôn

trọng cuộc hôn nhân giữa anh T và chị T, dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 02/2021 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay anh T xác định không thể tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân với chị T nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết công khai và yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của anh Nguyễn Bảo T nhưng chị T không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án triệu tập chị T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải vào ngày 01/6/2021, nhưng chị T vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến, không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để thể hiện chị T đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của anh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc tiến hành tố tụng đã đảm bảo tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T đã có những mâu thuẫn trầm trọng. Sau khi anh T nộp đơn ly hôn, Tòa án đã triệu tập chị T đến Tòa nhiều lần nhưng chị T không đến, chứng tỏ chị T cũng không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T. Do vậy, việc anh T yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung do các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Bảo T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt 02 lần liên tiếp không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bảo T và chị Nguyễn Thị Thu T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2019 do Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh K cấp ngày 27/8/2019 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của anh T thì thực tế cuộc sống vợ chồng của anh và chị T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có cách giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không cùng quan điểm trong cách sống, cư xử trong quan hệ vợ chồng và quan hệ gia đình hai bên. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh T và chị T đến Tòa tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không đến tham gia hòa giải, điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và chính chị T cũng không quan tâm và không muốn hàn gắn. Vì vậy,

anh T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa anh Nguyễn Bảo T và chị Nguyễn Thị Thu T chưa có con chung nên không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Bảo T đối với chị Nguyễn Thị Thu T.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Bảo T chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bảo T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T (Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2019 do Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh K cấp ngày 27/8/2019).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Bảo T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0049455 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn anh Nguyễn Bảo T và chị Nguyễn Thị Thu T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VP, HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

